TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/DS-PT
Ngày 28-11-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu.

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng và ông Lương Đức Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 69/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích T; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H và anh Trịnh Xuân Th; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-4-2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Bích T trình bày:

Trước năm 2010, bà có bán phân bón cho mẹ con bà Nguyễn Thị H, anh Trịnh Xuân Th nhưng bà H, anh Th không trả tiền nên ngày 15-6-2010, bà lập Phiếu cho vay tiền với số tiền 57.000.000 đồng và 195kg cà phê nhân xô (*số cà phê này bà H, anh Th lấy tiền trước, sau đó quy đổi thành cà phê và ghi vào giấy nợ*). Bà H, anh Th hẹn ngày 30-12-2010 sẽ trả đủ nhưng đến ngày 30-12-2010, bà H, anh Th mới chỉ trả được một số tiền, bà không nhớ cụ thể do thời gian đã lâu. Ngày 21-01-2012, hai bên thống nhất 195kg cà phê nhân xô quy ra thành tiền và chốt nợ số tiền 61.030.000 đồng ghi vào Phiếu cho vay tiền; bà H, anh Th hẹn cuối năm 2012 sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa trả. Do đó, bà khởi

kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H, anh Th phải trả cho bà số tiền 61.030.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H và anh Trịnh Xuân Th trình bày:

Từ năm 2008 đến năm 2011, bà H thường xuyên mua phân bón của hộ kinh doanh TT, khi mua không trả tiền ngay mà chờ đến cuối năm thu hoạch cà phê sẽ trả cà phê cho bà T, ngoài ra bà H còn nợ tiền do tính lãi suất từ việc nợ phân bón quy ra tiền. Bà H, anh Th thừa nhận chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị H, Trịnh Xuân Th trong Phiếu cho vay tiền ngày 15-6-2010 và nội dung phía dưới ghi "*ngày 21-01-2012 còn lại 61.030.000 đồng gốc chưa tính lãi*" là của bà H, anh Th; chữ viết trong Giấy cam kết trả nợ dần ngày 03-6-2014 là của bà H. Do mẹ con ở chung nhà nên bà T buộc anh Th phải cùng ký, thực tế anh Th không trực tiếp sử dụng tiền và cà phê vay của bà T mà bà H là người sử dụng để chi tiêu sinh hoạt và đầu tư sản xuất phục vụ cuộc sống gia đình. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà H có nguyện vọng trả dần mỗi năm từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, nếu bà T không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST ngày 31-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà H và anh Th phải trả cho bà T số tiền 61.030.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09-8-2023, bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H nộp trong thời hạn luật định, bà H là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[1.2]. Mặc dù thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã hết nhưng các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 149 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.3]. Nguyên đơn bà Lê Thị Bích T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa:

[2.1]. Tại Phiếu cho vay tiền ngày 15-6-2010 thể hiện: Bà T cho bà H, anh Th vay số tiền 57.000.000 đồng và 195kg cà phê nhân xô, thời hạn trả vào ngày 30-12-2010. Bà T trình bày do đến thời hạn thỏa thuận nhưng bà H, anh Th chưa trả nợ nên ngày 21-01-2012, hai bên thống nhất 195kg cà phê nhân xô quy ra thành tiền và chốt nợ số tiền 61.030.000 đồng ghi vào Phiếu cho vay tiền, có chữ ký của bà H và anh Th tại phần người vay. Bà H, anh Th thừa nhận chữ viết và chữ ký trong Phiếu cho vay tiền về các nội dung trên là của mình nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Tại Giấy cam kết trả nợ dần ngày 03-6-2014, bà H cam kết số nợ còn lại là 61.030.000 đồng, bà H sẽ trả cho bà T 10.000.000 đồng vào cuối năm, số tiền còn lại trả dần vào các năm sau. Tuy nhiên đến nay bà H, anh Th chưa trả cho bà T được khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà H và anh Th phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 61.030.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. Đối với ý kiến của bà H đề nghị khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng mà bà H nhờ bà C chở ra nhà bà T để trả cho bà T: Quá trình giải quyết vụ án bà T không thừa nhận; bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền này cho bà T. Tại giai đoạn phúc thẩm, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[2.4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5]. Từ những vấn đề phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận, yêu cầu kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà H và anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST ngày 31-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng khoản 1 Điều 351, Điều 463, Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích T: Buộc bà Nguyễn Thị H và anh Trịnh Xuân Th phải liên đới trả cho bà Lê Thị Bích T số tiền 61.030.000đ (*sáu mươi mốt triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Buộc anh Trịnh Xuân Th phải chịu 1.526.000đ (*một triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho bà Lê Thị Bích T số tiền 1.526.000đ (*một triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X ngày 04-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2.3. Bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Mil;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Lê Văn Hữu